

Số: 07 /2010/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 21 tháng 7 năm 2010

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phân cấp quản lý tài sản nhà nước tại các cơ quan nhà nước,
đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội,
tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội -
nghề nghiệp thuộc địa phương quản lý trên địa bàn
tỉnh Tuyên Quang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03 tháng 06 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Xét Tờ trình số 27/TTr-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tài sản nhà nước tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 22/BC-KTNS₁₆ ngày 16 tháng 7 năm 2010 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy định về phân cấp quản lý tài sản nhà nước tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (có Quy định kèm theo).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

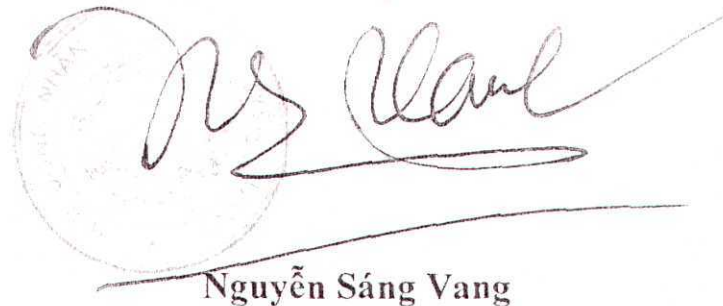
Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVI, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 21 tháng 7 năm 2010 và thay thế Nghị quyết số 07/2008/NQ-HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVI, kỳ họp thứ 10 về quy định phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương quản lý và tài sản được xác lập quyền sở hữu Nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- Chánh, Phó VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu VT, CV.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Sáng Vang

QUY ĐỊNH

Về phân cấp quản lý tài sản nhà nước tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

(Kèm theo Nghị quyết số 07/2010/NQ – HĐND ngày 21/7/2010 của HĐND tỉnh)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này phân cấp quản lý tài sản nhà nước tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị) thuộc địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Việc quản lý, sử dụng đối với tài sản thuộc kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích công cộng, lợi ích quốc gia; tài sản sử dụng vào mục đích quốc phòng an ninh quốc gia; tài sản dự trữ quốc gia; tài sản nhà nước tại các đơn vị lực lượng vũ trang đóng trên địa bàn tỉnh; tài sản nhà nước tại doanh nghiệp, tài nguyên thiên nhiên và đất đai khác thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật không thuộc phạm vi điều chỉnh của quy định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước;

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

3. Các đối tượng khác liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

Điều 3. Nội dung phân cấp

1. Quyết định mua sắm tài sản nhà nước;

2. Quyết định thuê trụ sở làm việc, tài sản khác phục vụ cho hoạt động của cơ quan nhà nước;

3. Quyết định thu hồi tài sản nhà nước;

4. Quyết định điều chuyển tài sản nhà nước;

5. Quyết định bán tài sản nhà nước;

6. Quyết định thanh lý tài sản nhà nước;

7. Quyết định tiêu hủy tài sản nhà nước;

8. Quy định bảo dưỡng, sửa chữa tài sản nhà nước.

9. Quyết định liên doanh liên kết tài sản nhà nước;

10. Quyết định cho thuê tài sản;

Điều 4. Quyền hạn, trách nhiệm về quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước trên phạm vi toàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Sở Tài chính tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

3. Thủ trưởng các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh quản lý, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (gồm thành phố và các huyện), Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (gồm xã, phường, thị trấn) chịu trách nhiệm tổ chức quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý theo phân cấp của Hội đồng nhân dân tỉnh tại Quy định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Chương II PHÂN CẤP QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN NHÀ NƯỚC TẠI CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Điều 5. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản nhà nước

Phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 14 Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước như sau:

1. Đối với tài sản là nhà, công trình kiến trúc và tài sản khác gắn liền với đất, thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng và các quy định khác có liên quan; tài sản mua sắm từ nguồn kinh phí tự chủ được cấp có thẩm quyền giao theo quy định về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước.

2. Đối với tài sản mua sắm là nhà, vật kiến trúc gắn liền với đất, xe ô tô, xe máy chuyên dùng, ca nô, tàu, phà của các cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Đối với tài sản mua sắm là phương tiện vận tải ngoài xe ô tô, xe máy chuyên dùng, ca nô, tàu, phà; máy móc, trang thiết bị làm việc và các loại tài sản khác thực hiện như sau:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc đầu tư, phân bổ kinh phí mua sắm tài sản đối với các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh quản lý;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư, phân bổ kinh phí mua sắm tài sản đối với các cơ quan nhà nước thuộc cấp huyện quản lý.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư mua sắm tài sản phục vụ hoạt động quản lý nhà nước cấp xã.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định thuê trụ sở làm việc, tài sản khác phục vụ cho hoạt động của cơ quan nhà nước

Phân cấp thẩm quyền quyết định thuê trụ sở làm việc, tài sản khác phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương quy định tại điểm b khoản 4 Điều 15 Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với trường hợp số tiền thuê từ 100 triệu đồng trở lên/năm.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định đối với trường hợp số tiền thuê từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng/năm.

3. Thủ trưởng các cơ quan cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đối với trường hợp số tiền thuê dưới 50 triệu đồng/năm.

Điều 7. Thẩm quyền thu hồi tài sản nhà nước

Phân cấp thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

Quyết định thu hồi tài sản nhà nước tại các cơ quan nhà nước thuộc địa phương quản lý, bao gồm:

a) Trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất);

b) Xe ô tô, xe máy chuyên dùng, ca nô, tàu, phà;

c) Tài sản là động sản ngoài tài sản quy định tại điểm b khoản này có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính:

Quyết định thu hồi tài sản nhà nước tại các cơ quan nhà nước thuộc địa phương quản lý đối với tài sản nhà nước là động sản ngoài tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Thủ trưởng các cơ quan cấp tỉnh:

Quyết định thu hồi tài sản nhà nước tại các cơ quan thuộc phạm vi quản lý đối với tài sản là động sản ngoài tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Quyết định thu hồi tài sản nhà nước tại các cơ quan nhà nước thuộc phạm vi cấp huyện và cấp xã quản lý đối với tài sản là động sản ngoài tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản nhà nước

Phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

Quyết định điều chuyển tài sản nhà nước tại các cơ quan nhà nước thuộc địa phương quản lý đối với các tài sản:

a) Trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất);

b) Xe ô tô, xe máy chuyên dùng, ca nô, tàu, phà;

c) Động sản ngoài tài sản quy định tại điểm b khoản này có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính:

a) Quyết định điều chuyển tài sản nhà nước giữa các cơ quan nhà nước cấp tỉnh với nhau; giữa các cơ quan nhà nước cấp tỉnh với cấp huyện đối với tài sản là động sản ngoài tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản; giữa các cơ quan nhà nước cấp huyện này với cơ quan nhà nước cấp huyện khác.

b) Quyết định điều chuyển tài sản nhà nước giữa các đơn vị trực thuộc cơ quan hành chính cấp tỉnh; giữa các cơ quan hành chính cấp huyện đối với tài sản là động sản ngoài tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Thủ trưởng cơ quan cấp tỉnh:

Quyết định điều chuyển tài sản nhà nước giữa các cơ quan thuộc phạm vi quản lý đối với tài sản là động sản ngoài tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Quyết định điều chuyển tài sản nhà nước giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện; giữa cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện với cấp xã; giữa cấp xã này với cấp xã khác đối với tài sản là động sản ngoài tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định bán tài sản nhà nước

Phân cấp thẩm quyền quyết định bán tài sản nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

Quyết định bán tài sản nhà nước tại các cơ quan nhà nước thuộc địa phương quản lý là:

a) Trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất);

b) Xe ô tô, xe máy chuyên dùng, ca nô, tàu, phà;

c) Động sản ngoài tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này tại các cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính:

Quyết định bán tài sản nhà nước đối với tài sản là động sản ngoài tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản tại các cơ quan nhà nước thuộc địa phương quản lý.

3. Thủ trưởng các cơ quan cấp tỉnh:

Quyết định bán tài sản nhà nước tại các cơ quan thuộc phạm vi quản lý, sử dụng đối với tài sản là động sản ngoài tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Quyết định bán tài sản nhà nước đối với tài sản là động sản ngoài tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản tại các cơ quan cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản nhà nước

Phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản nhà nước quy định tại điểm khoản 2 Điều 26 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

Quyết định thanh lý tài sản nhà nước tại các cơ quan nhà nước thuộc địa phương quản lý đối với tài sản:

a) Nhà, công trình xây dựng phải phá dỡ để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo quy hoạch, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 1 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản;

b) Xe ô tô, xe máy chuyên dùng, ca nô, tàu, phà.

c) Nhà, công trình xây dựng khác; tài sản là động sản ngoài tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính:

Quyết định thanh lý tài sản nhà nước tại các cơ quan nhà nước thuộc địa phương quản lý đối tài sản:

a) Nhà, công trình xây dựng phải tháo dỡ để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo quy hoạch, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 200 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản;

b) Nhà, công trình xây dựng khác; tài sản là động sản ngoài tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Thủ trưởng cơ quan cấp tỉnh:

Quyết định thanh lý tài sản tại các cơ quan thuộc phạm vi quản lý đối với tài sản:

a) Nhà và công trình xây dựng phải tháo dỡ để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo quy hoạch, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản;

b) Nhà, công trình xây dựng khác; tài sản là động sản ngoài tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Quyết định thanh lý tài sản tại các cơ quan thuộc cấp huyện quản lý đối với tài sản:

a) Nhà và công trình xây dựng phải tháo dỡ để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo quy hoạch, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản;

b) Nhà, công trình xây dựng khác; tài sản là động sản ngoài tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 20 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

5. Thủ trưởng cơ quan nhà nước cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:

Quyết định thanh lý tài sản nhà nước do cơ quan trực tiếp quản lý, sử dụng đối với tài sản là động sản ngoài tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 20 triệu đồng/01 đơn vị một tài sản.

Điều 11. Tiêu huỷ tài sản

Phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu huỷ tài sản nhà nước quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 24 Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

Quyết định tiêu huỷ tài sản nhà nước tại các cơ quan nhà nước thuộc địa phương quản lý đối với các loại tài sản:

a) Xe ô tô, xe máy chuyên dùng, ca nô, tàu, phà;

b) Các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính:

Quyết định tiêu huỷ tài sản nhà nước tại các cơ quan nhà nước thuộc địa phương quản lý đối các loại tài sản ngoài tài sản quy định tại điểm a khoản 1 điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Thủ trưởng các cơ quan cấp tỉnh:

Quyết định tiêu huỷ tài sản ngoài tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này tại các cơ quan thuộc phạm vi quản lý, sử dụng có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Quyết định tiêu huỷ tài sản tại các cơ quan nhà nước thuộc cấp huyện quản lý đối với các loại tài sản ngoài tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 20 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

5. Thủ trưởng các cơ quan nhà nước cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:

Quyết định tiêu huỷ tài sản nhà nước tại cơ quan trực tiếp quản lý ngoài tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 20 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 12. Bảo dưỡng, sửa chữa tài sản

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định chế độ bảo dưỡng, sửa chữa tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh theo quy định của Chính phủ đối với tài sản nhà nước chưa có chế độ tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật bảo dưỡng sửa chữa của Bộ quản lý chuyên ngành.

Chương III
PHÂN CẤP QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN NHÀ NƯỚC
TẠI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Điều 13. Thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản nhà nước, thuê tài sản, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu huỷ, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản nhà nước tại các đơn vị sự nghiệp chưa tự chủ tài chính

Thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản nhà nước, thuê tài sản, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu huỷ, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản nhà nước tại các đơn vị sự nghiệp chưa tự chủ tài chính thực hiện theo quy định như đối với cơ quan nhà nước tại Chương II Quy định này.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản nhà nước tại các đơn vị sự nghiệp tự chủ tài chính

Thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản nhà nước tại các đơn vị sự nghiệp tự chủ tài chính (sau đây gọi là đơn vị) như sau:

1. Đối với tài sản là nhà, công trình kiến trúc và tài sản khác gắn liền với đất, thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng và các quy định khác có liên quan;

2. Đối với tài sản mua sắm là nhà, vật kiến trúc gắn liền với đất, xe ô tô của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Đối với tài sản mua sắm từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và nguồn vốn có nguồn gốc ngân sách nhà nước là phương tiện vận tải khác (trừ ô tô), máy móc, trang thiết bị làm việc và các loại tài sản khác:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc đầu tư, phân bổ kinh phí mua sắm tài sản đối với các đơn vị thuộc tỉnh quản lý;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư, phân bổ kinh phí mua sắm tài sản đối với đơn vị thuộc cấp huyện quản lý.

4. Riêng việc mua sắm tài sản không phải là trụ sở làm việc và xe ô tô từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ các hoạt động sự nghiệp hoặc sản xuất kinh doanh dịch vụ của đơn vị do thủ trưởng đơn vị quyết định phù hợp với tiêu chuẩn định mức, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

Điều 15. Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp tự chủ tài chính vào mục đích liên doanh, liên kết hoặc cho thuê

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp tự chủ tài chính vào mục đích liên doanh, liên kết hoặc cho thuê theo quy định của Chính phủ.

Điều 16. Thẩm quyền quyết định thu hồi, điều chuyển tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp tự chủ tài chính

Thẩm quyền quyết định thu hồi, điều chuyển tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp tự chủ tài chính được thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Quy định này.

Điều 17. Thẩm quyền quyết định bán, thanh lý tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp tự chủ tài chính

1. Thẩm quyền quyết định bán, thanh lý tài sản nhà nước là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô; tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Thẩm quyền quyết định bán, thanh lý tài sản nhà nước không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này do thủ trưởng đơn vị quyết định.

Điều 18. Thẩm quyền quyết định việc thuê tài sản tại đơn vị sự nghiệp tự chủ tài chính.

Thẩm quyền quyết định việc thuê tài sản tại đơn vị sự nghiệp tự chủ tài chính được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy định này.

Điều 19. Thẩm quyền quyết định việc tiêu huỷ tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp tự chủ tài chính

Thẩm quyền quyết định việc tiêu huỷ tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp tự chủ tài chính được thực hiện theo quy định tại Điều 11 Quy định này.

Chương IV

PHÂN CẤP QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN NHÀ NƯỚC TẠI CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP, TỔ CHỨC XÃ HỘI, TỔ CHỨC XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP

Điều 20. Thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê tài sản, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu huỷ tài sản nhà nước tại các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội

Thẩm quyền quyết định mua sắm; thuê tài sản, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu huỷ tài sản nhà nước tại các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo quy định như đối với cơ quan nhà nước quy định tại Chương II Quy định này.

Điều 21. Thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu huỷ tài sản nhà nước giao cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp

Thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu huỷ tài sản nhà nước giao cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp được thực hiện như sau:

1. Đối với tài sản là trụ sở làm việc hoặc tài sản khác gắn liền với đất được thực hiện như đối với cơ quan nhà nước quy định tại Chương II Quy định này;

2. Đối với tài sản không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật có liên quan và Điều lệ của tổ chức.

Điều 22. Thẩm quyền quyết định thu hồi, điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu huỷ tài sản nhà nước đã giao cho các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp

Thẩm quyền quyết định thu hồi, điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu huỷ tài sản nhà nước đã giao cho các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được thực hiện như sau:

1. Đối với tài sản là trụ sở làm việc hoặc tài sản khác gắn liền với đất được thực hiện như đối với cơ quan nhà nước quy định tại Chương II Quy định này;

2. Đối với tài sản không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật có liên quan và Điều lệ của tổ chức.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 14**